TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **39**/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 30/09/2021.
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Y Nik Êban.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Y Kăn Niê - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tất Tại - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/09/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Toà án nhân dân huyện EaKar mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2021/TLST – HNGĐ, ngày 08 tháng 06 năm 2021. Về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 27 tháng 08 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 09 năm 2021.

Giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 20 Hoàng D, khối A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)*

***Bị đơn**: Ông **Trần Đình T, s**inh năm 1964.

Địa chỉ: Số 20 Hoàng D, khối A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. *(Vắng mặt)*

NHẬN THẤY

****Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị H trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với ông Trần Đình T trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ vào ngày 29/03/2004.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên không thể hòa hò hợp được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với ông Trần Đình T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chúng tôi có 01 con chung, cháu tên Trần Nguyễn Duy L, sinh ngày 21/09/2005.

Nguyện vọng về con: Tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Duy L, sinh ngày 21/09/2005 cho đến khi cháu đủ 18

tuổi và không yêu cầu ông Trần Đình T phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Đình T mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện EaKar tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông Trần Đình T không đến Tòa án để làm việc. Căn cứ vào các Điều 70, 72, khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện E đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn ông Trần Đình T. Và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện EaKar cũng đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân của vợ chồng ông Trần Đình T và bà Nguyễn Thị H tại chính quyền địa phương. Ban tự quản Khối A, thị trấn E xác định: Ông Trần Đình T có đăng ký hộ khẩu tại Khối A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ và hiện nay vẫn đang sinh sống, làm ăn ổn định tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H với T thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, từ khoảng đầu năm 2021 đến nay thì thấy hai vợ chồng ông T, bà H sinh sống ở hai nhà khác nhau, không sống chung nữa.

Căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đ đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/09/2021, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Trần Đình T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Đình T, nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn Duy L đến tuổi trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Ngoài ra, bà H không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trần Đình T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của các đương sự được quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà H không còn tình cảm, không quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Duy L, sinh ngày 21/09/2005. Bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai cháu L có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị H. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng nên cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Trần Nguyễn Duy L cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, đề ngày 31/05/2021, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện E đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 27 tháng 08 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 13 tháng 09 năm 2021 đối với bị đơn ông Trần Đình T. Tuy nhiên tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Trần Đình T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Đình T.

[3] V*ề quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình T kết hôn vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không thể hòa hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai vợ chồng không còn chung sống, ly thân từ đầu năm 2021 đến nay, hai vợ chồng không hề quan tâm hay chăm sóc gì đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Đình T.

[4] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Đình T có 01 con chung là cháu Trần Nguyễn Duy L, sinh ngày 21/09/2005. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và lấy lời khai của

cháu Trần Nguyễn Duy L, thì cháu L cũng có nguyện vọng là được ở với bà H. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu L là hoàn toàn phù hợp và thỏa đáng nên cần chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Trần Nguyễn Duy L, sinh ngày 21/09/2005 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và công nợ:* Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969 được ly hôn với ông Trần Đình T, sinh năm 1964.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Nguyễn Duy L, sinh ngày 21/09/2005 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đề cập để giải quyết.

Ông Trần Đình T được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông T không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- **Về án phí**: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar, theo biên lai thu án phí số 60AA/2021/0005397, ngày 03/06/2021.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; bị đơn ông Trần Đình T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện EaKar;*
- *Chi cục THADS huyện EaKar;*
- *UBND thị trấn E, huyện K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Trần Thị Nhã Phương